TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Công.
Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm: 1986 *(Có mặt)*.
Cư trú tại: ấp a, xã TA, huyện CĐ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông Hồ Minh K, sinh năm: 1979 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.
Nơi đăng ký HKTT: ấp b, xã ATA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Chỗ ở: d Nguyễn Thiện T, khóm c, phường đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Con chung* của ông Hồ Minh K và bà Huỳnh Thị Ngọc N là Hồ Huỳnh H - sinh ngày 25-02-2011; Nơi đăng ký HKTT: ấp b, xã ATA, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: d Nguyễn Thiện T, khóm c, phường đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh *(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 15-5-2020, bản tự khai ngày 20-7-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc N trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Hồ Minh K đi đến hôn nhân do tự quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, có tiến hành lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện CĐ, tỉnh Long An vào ngày 19-6-2008. Nữ trang ngày cưới có 3,5 chỉ vàng 24K (gồm đôi bông 01 chỉ 24K và sợi dây chuyền 2,5 chỉ 24K), quá trình chung sống vợ chồng đã thống nhất bán hết vàng cưới để chi dùng chung nên hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2011 khi bà sinh con thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do ông K không chăm lo làm ăn, không lo cho vợ con, bà đã nhiều lần khuyên chồng nhưng ông K không thay đổi, dẫn đến vợ chồng cự cải thường xuyên, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ năm 2018, bà và ông K sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên bà kiện xin ly hôn với ông Hồ Minh K.

Về con chung: Bà và ông Hồ Minh K có một người con chung là Hồ Huỳnh H - sinh ngày 25-02-2011, hiện đang sống chung với ông K. Khi ly hôn, bà yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con muốn sống với cha hoặc mẹ đều được, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định bà và ông Hồ Minh K quá trình chung sống không tạo lập tài sản chung, hiện nay không nợ ai, cũng không ai nợ bà và ông K, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Huỳnh Thị Ngọc N có mặt vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

** Tại bản tự khai ngày 07-8-2020, bị đơn ông Hồ Minh K trình bày:*

Ông và bà Huỳnh Thị Ngọc N đi đến hôn nhân do tự quen nhau, cha mẹ hai bên chấp nhận, tổ chức lễ cưới vào năm 2010 nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện CĐ, tỉnh Long An hai năm trước khi cưới. Nữ trang ngày cưới có nhưng lâu quá ông không nhớ và hiện cũng không còn do quá trình chung sống vợ chồng đã bán để sử dụng chung. Sau ngày cưới, vợ chồng đi làm công nhân, có khi chung sống ở huyện C, có khi chung sống ở Long An quê vợ. Thời gian chung sống hạnh phúc từ sau ngày cưới đến cách nay gần hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, thường xuyên cự cải, dẫn đến sống ly thân nhau cho đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng có tạo cơ hội hàn gắn nhưng không hàn gắn được. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông và bà N chỉ có một con chung là Hồ Huỳnh H - sinh ngày 25-02-2011, hiện đang sống chung với ông. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giải quyết theo nguyện vọng của con muốn sống với cha hoặc mẹ đều được, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Ông thống nhất xác định là không có.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Hồ Minh K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-7-2020, con chung là cháu Hồ Huỳnh H trình bày:*

Cha cháu tên Hồ Minh K, mẹ cháu tên Huỳnh Thị Ngọc N, cháu hiện đang sống chung với cha. Trường hợp cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với cha để thuận tiện cho việc học hành.

Tại phiên tòa hôm nay, cháu Hồ Huỳnh H có đơn xin vắng mặt, nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc N: Cho bà N được ly hôn với ông Hồ Minh K. Về con chung: tên Hồ Huỳnh H - sinh ngày 25-02-2011, giao cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn sống với cha; Về cấp dưỡng nuôi con: Do hai đương sự chưa đặt ra yêu cầu, nên không xem xét giải quyết; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung và về nợ chung phải thu, phải trả: Do các đương sự thống nhất xác định không có, không tranh chấp, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Hồ Minh K là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, nhưng ông K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do bận công việc làm, không có mặt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Hồ Minh K theo luật định.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Hồ Minh K xác lập quan hệ vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện CĐ, tỉnh Long An vào ngày 19-6-2008, nên hôn nhân giữa bà N và ông K là hôn nhân hợp pháp. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, nên ông bà thường xuyên cự cải và đã tự sống ly thân với nhau đến nay đã hai năm mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…"*, nhưng bà N, ông K đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 22-7-2020 và 30-7-2020 để bà Nguyên, ông K có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông K đều vắng mặt; Bà N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông K; Tại bản tự khai ngày 07-8-2020 ông K thể hiện ý kiến là đồng ý ly hôn với bà N do vợ chồng không thể hàn gắn lại được.

[5] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà N, ông K đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Ngọc N là có căn cứ. Bà N, ông K cùng tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho bà N được ly hôn với ông K.

[6] *Về con chung*: Bà N và ông K có một người con chung tên Hồ Huỳnh H - sinh ngày 25-02-2011. Trong thời gian bà N, ông K sống ly thân cho đến nay, thì con chung do ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu giải quyết về con chung; Tại bản tự khai ngày 07-8-2020 ông K có ý kiến thống nhất về con chung là giải quyết theo nguyện vọng của con muốn sống với cha hay mẹ đều được, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-7-2020 cháu H nêu nguyện vọng là muốn được sống chung với cha khi cha mẹ ly hôn. Nên cần xử cho ông K được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp nguyện vọng của con chung. Vì ông K chưa đặt ra yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng bà N và ông K thể hiện ý kiến qua bản tự khai cùng thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà N và ông K thể hiện ý kiến qua bản tự khai thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Huỳnh Thị Ngọc N có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Ngọc N được ly hôn với ông Hồ Minh K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ Huỳnh H - sinh ngày 25-02-2011 cho ông Hồ Minh K tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn được sống cùng với cha.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Hồ Minh K chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Hồ Minh K thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Hồ Minh K thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0000234 ngày 02-7-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TA, huyện CĐ, tỉnh Long An;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo